

BÁO CÁO TÓM TẮT

Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh khóa XI về kỳ họp thứ 14; Sở Giao thông vận tải đã xây dựng Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường ĐH và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025 với những nội dung chủ yếu như sau:

Phần I

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

Tổng chiều dài hệ thống đường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam là 10.799,9 km, trong đó đường do UBND cấp huyện quản lý chiều dài 9.302,2 km (đường huyện (ĐH), đường Giao thông nông thôn (GTNT) đường đô thị (ĐĐT)).

Do nhu cầu đầu tư lớn, ngân sách cấp huyện không cân đối đủ nhu cầu nên ngân sách tỉnh bố trí để hỗ trợ thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn, và các đề án, chương trình mục tiêu. Việc xây dựng Đề án kiên cố hóa hệ thống đường ĐH và GTNT giai đoạn 2021-2025 là rất cần thiết và theo đúng thẩm quyền quy định.

2. Cơ sở xây dựng đề án

- Các Luật, Nghị định của Chính phủ liên quan đến các lĩnh vực Giao thông đường bộ, Đầu tư công, Xây dựng, Ngân sách nhà nước.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh khóa XI về kỳ họp thứ 14;

- Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh ban hành chương trình công tác năm 2020;

- Kết quả thực hiện các Đề án phát triển GTNT và kiên cố hóa mặt đường ĐH trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015-2020;

- Số liệu khảo sát hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Phạm vi thực hiện, mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể

3.1. Kết quả hỗ trợ phát triển hệ thống đường bộ giai đoạn 2016-2020

Giai đoạn từ 2016-2020 ngân sách tỉnh đã bố trí **2.188,4 tỷ đồng** hỗ trợ các địa phương đầu tư phát triển hệ thống đường ĐH và GTNT; trong đó Đề án ĐH là 702,21 tỷ đồng (kiên cố hóa được 377,85 km mặt đường ĐH). Đề án GTNT là 255 tỷ đồng; kiên cố hóa được 795,4 km mặt đường GTNT và xây dựng 1.620 công các loại; Đầu tư công trung hạn 2016-2020: 1.286¹ tỷ đồng triển khai xây dựng 108,2km đường và 18 công cầu.

3.2. Một số tồn tại trong việc triển khai các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kiên cố hóa đường ĐH và GTNT giai đoạn 2016-2020

UBND tỉnh đã ban hành các báo cáo số 192/BC-UBND và số 193/BC-UBND ngày 02/12/2019 về kết quả triển khai các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kiên cố hóa đường ĐH và GTNT giai đoạn 2016-2020; báo cáo đã nêu cụ thể các kết quả đạt được và đánh giá một số khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai về cơ chế xây dựng đơn giá, quy mô đầu tư, công tác xây dựng kế hoạch, quản lý chất lượng, quản lý chi phí, huy động nguồn vốn.

3.3. Đề xuất phạm vi, mục tiêu và nhiệm vụ của đề án

a) Phạm vi

Phạm vi của Đề án là Đầu tư xây dựng hệ thống ĐH và GTNT trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo hướng kiên cố hóa, thực hiện trong giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025.

Không đưa vào thực hiện trong Đề án các công trình trên các tuyến quy hoạch chuyển thành đường ĐT, các tuyến đường chông lấn trong các khu vực được quy hoạch phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và các công trình đường đã quy hoạch nhưng chưa lưu thông (chưa có nền đường).

b) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Kiên cố hóa một phần hệ thống đường ĐH và GTNT để bảo đảm bền vững, có tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp nhằm đáp ứng tốt cho đi lại, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; trong phạm vi nguồn vốn, ưu tiên kiên cố hóa các tuyến đường hiện có đến trung tâm xã, đường đến trung tâm thôn và các tuyến đường có lưu lượng lớn, có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- **Mục tiêu cụ thể** đến năm 2025:

+ Tỷ lệ đường ĐH có mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng đạt 100%, trong đó 80% mặt đường có chất lượng tốt, có hệ thống thoát nước dọc được kiên cố; 70% công trình cầu, cống đạt quy mô vĩnh cửu.

¹ Theo kế hoạch Ngân sách tỉnh và TW hỗ trợ 2.517,4 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2016-2020 đã phân bổ 1.231,4 tỷ đồng (Trong đó các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020 là 123 tỷ, các dự án khởi công trong giai đoạn 2016-2020 là 1.108 tỷ đồng).

+ Tỷ lệ đường GTNT được bê tông hóa đạt 88%, đường có chất lượng tốt trên 75%; số xã đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí giao thông đạt 90%; có 99% thôn bảo đảm đường bê tông nối đến trung tâm, 40% đường trục xã và trục thôn có bề rộng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; các công trình cầu, cống quan trọng được sửa chữa, nâng cấp với quy mô vĩnh cửu.

c) Nhiệm vụ

- Đối với hệ thống đường ĐH: Kiên cố hóa mặt đường các tuyến chưa có mặt đường hoặc đang hư hỏng, xuống cấp; gia cố để kiên cố hóa lề đường, mương thoát nước dọc; sửa chữa hoặc xây dựng mới các công trình cầu để bảo đảm an toàn trong khai thác.

- Đối với hệ thống đường GTNT: Mở rộng nền đường, mặt đường để bảo đảm tiêu chuẩn; kiên cố hóa mặt đường đối với các tuyến chưa có mặt hoặc đã xuống cấp; sửa chữa hoặc xây dựng mới các công trình cầu để bảo đảm an toàn trong khai thác.

Phần II

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU KIÊN CỐ HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN VÀ GIAO THÔNG NÔNG THÔN

1. Hệ thống đường huyện

Hệ thống ĐH đã được UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh có 230 tuyến, dài 2.038,7 km, trong đó có 178,6 km quy hoạch thành ĐT; 77,11 km nằm quy hoạch trong các khu đô thị, khu kinh tế; **135 km** cần điều chỉnh phân loại. Sau khi loại trừ, còn lại 183 tuyến/1.632,6 km, trong đó 1.105,5 km có mặt đường còn tốt (67,7%), 464,0 km mặt đường đã xuống cấp và 63,2 km chưa có mặt đường.

Có 620 cầu/15.152 m, trong đó 64 cái hư hỏng nhỏ, 165 đã hư hỏng, xuống cấp.

a) Nhu cầu kiên cố hóa

Các tuyến đường đã được đầu tư phát triển trong thời gian dài nên hầu hết đã có mặt đường nhựa hoặc BTXM, một số tuyến chưa có mặt đường đang được triển khai thi công. Tuy nhiên, nhiều tuyến đường chưa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch; hệ thống lề đường, mương dọc hai bên hầu hết chưa được xây dựng; các công trình cầu cống đã có nhưng chưa đồng bộ, một số công trình xây dựng lâu năm đã hư hỏng, không đảm bảo điều kiện khai thác.

Nhu cầu cần kiên cố hóa 385 km mặt đường, 605 km lề đường, 333km mương dọc và 219 cầu, cống. Tổng kinh phí dự kiến 2.928 tỷ đồng (không bao

gồm GPMB).

2. Hệ thống đường GTNT

Hệ thống đường GTNT có 6.696 km (trong đó đường trục xã là 1.967,8 km, đường thôn là 2.429 km, đường ngõ xóm 2.299 km) đã bê tông hóa 5.546 km, đạt tỷ lệ 82,8 %;

Tuy nhiên, chất lượng đường không đồng đều, quy mô công trình có nơi chưa bảo đảm quy hoạch, nhiều tuyến đường chưa bền vững, vẫn còn 22 thôn chưa có đường bê tông đến trung tâm.

Nhu cầu bê tông hóa mặt đường: 1.192 km, nâng cấp mặt đường 1.214km; mở rộng mặt đường: 2.041km; xây dựng nền đường: 114km; mở rộng nền đường: 1.687km; xây dựng 219 cống, sửa chữa 15 cầu và xây dựng 396 cầu. Tổng kinh phí khoảng 4.741 tỷ đồng.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Giải pháp kỹ thuật kiên cố hóa hệ thống đường ĐH và GTNT

1.1. Hệ thống ĐH

Kiên cố hóa mặt đường với kết cấu mặt đường bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa bề rộng từ 3,5 đến 7,5m.

Gia cố lề đường hai bên (hoặc 01 bên tùy điều kiện), chiều rộng gia cố từ 0,5-2,0m; ưu tiên gia cố lề đường các tuyến có mặt đường rộng 3,5m.

Bổ sung mương thoát nước dọc để tiêu thoát nước, hạn chế đọng nước cục bộ và xói lở nền đường với kết cấu mương kín đáy đan (qua khu đông dân) và mương hở.

Xây dựng các cống hộp khẩu độ từ 3m đến 4m thay cầu nhỏ.

Sửa chữa hoặc xây dựng mới các công trình cầu

1.2. Nội dung kiên cố hóa đường GTNT

- Xây dựng nền đường đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Mở rộng nền đường, mặt đường
- Kiên cố hóa mặt đường.
- Nâng cấp mặt đường hư hỏng
- Sửa chữa hoặc xây dựng mới các công trình cầu, cống.

2. Chủ trương chung về kiên cố hóa hệ thống đường ĐH và GTNT

2.1. Tiếp tục mở rộng, nâng cấp các tuyến đường ĐH theo quy hoạch phát triển GTVT của tỉnh và quy hoạch liên quan.

- Các tuyến đường được quy hoạch thành ĐT: Các ngành của tỉnh chủ trì, đề xuất bố trí ngân sách tỉnh để đầu tư; nguồn vốn khoảng 1.500 tỷ đồng.

- Các tuyến đi qua khu đô thị, khu kinh tế và các tuyến quy hoạch ĐH: Các địa phương chủ trì, đề xuất bố trí ngân sách huyện để đầu tư, ngân sách tỉnh cân đối để hỗ trợ tùy theo khả năng.

2.2. Tăng tỷ lệ đường GTNT được cứng hóa ở các xã để đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng hệ thống GTNT ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, các đường nội bộ qua khu đông dân cư ở các vùng ven đô thị, tiếp tục phát triển hệ thống đường đến trung tâm thôn ở các xã đặc biệt khó khăn.

- Các xã hiện nay chưa đạt tiêu chí giao thông: Tăng tỷ lệ đường GTNT được kiên cố hóa để bảo đảm đạt chuẩn nông thôn mới.

- Các xã đã đạt tiêu chí nông thôn mới về giao thông: Tiếp tục phát triển để đạt xã nông thôn mới nâng cao hoặc kiểu mẫu, tiếp tục nâng chất lượng hệ thống GTNT hiện có.

- Hỗ trợ để xây dựng đường từ thôn đến các cụm dân cư ở khu vực khó khăn, hiện chưa có đường bê tông đến trung tâm.

3. Các loại công trình kiên cố hóa đường ĐH và GTNT

3.1. Công trình kiên cố hóa đường ĐH

- Các công trình có quy mô đơn giản, thấy rõ hiệu quả đầu tư: Gồm các công trình kiên cố hóa mặt đường, lề đường, mương thoát nước, cống hộp quy mô nhỏ.

- Các công trình có quy mô phức tạp, cần đánh giá cụ thể hiệu quả đầu tư: Là các công trình sửa chữa và xây dựng cầu có quy mô lớn, đi qua khu vực có điều kiện địa hình, địa chất phức tạp.

3.2. Công trình kiên cố hóa đường GTNT

- Nhóm công trình đơn giản, cộng đồng có thể tự thực hiện: Gồm mục mở rộng nền đường, mở rộng mặt đường và nâng cấp mặt đường ngõ xóm.

- Nhóm công trình yêu cầu kỹ thuật cao: Gồm công trình bê tông hóa và nâng cấp mặt đường các tuyến đường trục xã, trục thôn; công trình kiên cố hóa cầu, cống.

4. Đề xuất chỉ tiêu và nguồn vốn thực hiện Đề án kiên cố hóa hệ thống đường ĐH và GTNT giai đoạn 2021-2025

Kiến nghị triển khai thực hiện Đề án kiên cố hóa hệ thống ĐH và GTNT giai đoạn 2021-2025 với tổng nguồn vốn huy động khoảng **2.804 tỷ đồng**, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: **1.532 tỷ đồng**, bình quân **306,4 tỷ đồng/năm**.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã và huy động đóng góp của cộng đồng: **1.272 tỷ đồng**.

- Chỉ tiêu kiên cố hóa hệ thống đường ĐH: Kiên cố hóa 229km mặt đường, 236km lề đường; xây dựng 244km mương thoát nước dọc, 59 cống hộp các loại, sửa chữa 64 cầu và xây dựng 87 công trình cầu với tổng kinh phí dự kiến **1.314 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 908 tỷ đồng**.

- Chỉ tiêu kiên cố hóa hệ thống GTNT: Bê tông hóa 425km mặt đường các loại; nâng cấp 394km mặt đường trục xã và trục thôn; mở rộng 683km nền đường và 855km mặt đường trục xã, trục thôn; sửa chữa 75 cầu, xây dựng mới 89 cống hộp và 68 công trình cầu. Tổng kinh phí dự kiến 1.490 tỷ đồng , trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ **624 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, cấp xã và huy động đóng góp của cộng đồng là 866 tỷ đồng**.

5. Các cơ chế triển khai đề án

5.1. Cơ chế tài chính và nhu cầu nguồn vốn

a) Đối với đường ĐH

- Các huyện, thị xã khu vực đồng bằng: **Ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí đầu tư tính theo đơn giá được ban hành**; ngân sách cấp huyện cân đối phần còn lại theo chi phí thực tế đầu tư và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư.

- Các huyện khu vực miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% chi phí đầu tư tính theo đơn giá được ban hành; ngân sách cấp huyện cân đối phần còn lại theo chi phí thực tế đầu tư và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư.

b) Đối với đường GTNT

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và mở rộng nền đường, mở rộng mặt đường: Cấp huyện xây dựng cơ chế tài chính huy động đóng góp nhân dân, bố trí lồng ghép các nguồn vốn và hỗ trợ ngân sách cấp huyện, cấp xã để thực hiện; ngân sách tỉnh không hỗ trợ.

- Công tác bê tông hóa mặt đường, sửa chữa và xây dựng cầu cống:

+ **Các xã đồng bằng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 40% chi phí đầu tư tính theo đơn giá được ban hành**, cấp huyện xây dựng cơ chế tài chính huy động phần còn lại.

+ **Các xã miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí đầu tư tính theo đơn giá được ban hành**; cấp huyện xây dựng cơ chế tài chính huy động phần còn lại.

5.2. Cơ chế quản lý và thực hiện đầu tư

Do Đề án có phạm vi rộng, nguồn vốn đầu tư lớn nên kiến nghị phân chia thành 04 chương trình với cơ chế quản lý và thực hiện đầu tư phù hợp; cụ thể:

a) Chương trình 1: Kiên cố hóa nền, mặt đường ĐH (gồm các loại công trình: kiên cố hóa mặt đường, lề đường, rãnh dọc và công hộp)

Thực hiện theo quy trình rút gọn để rút ngắn thời gian triển khai và tiết kiệm chi phí đầu tư; các biện pháp áp dụng gồm sử dụng thiết kế mẫu (có thuê tư vấn thực hiện một số công việc); chủ đầu tư tự thực hiện các công việc lập hồ sơ thiết kế, dự toán, làm bên mời thầu, giám sát thi công (nếu có đủ năng lực). UBND cấp huyện giao Ban Quản lý dự án cấp huyện quản lý, thực hiện dự án; cơ quan chuyên môn cấp huyện thực hiện chức năng thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án; các ngành ở cấp tỉnh quản lý quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

b) Chương trình 2: Kiên cố hóa mặt đường GTNT (gồm các loại công trình bê tông hóa mặt đường)

Chỉ thực hiện công trình kiên cố hóa mặt đường khi đã chuẩn bị đủ bề rộng nền đường theo chương trình 4 (trừ các tuyến đặc thù không thể mở rộng).

Quy trình thực hiện như chương trình 1 nhưng phân cấp toàn bộ cho cấp huyện quản lý. Các ngành ở cấp huyện quản lý quy hoạch, kế hoạch đầu tư và tổ chức thực hiện; UBND cấp xã tham gia quản lý theo phân công nhiệm vụ của UBND cấp huyện.

c) Chương trình 3: Kiên cố hóa các công trình cầu trên đường ĐH và GTNT (gồm công trình sửa chữa cầu cũ và xây dựng cầu mới)

Thực hiện theo quy trình đầy đủ (trong thiết kế có sử dụng một số kết cấu theo thiết kế mẫu); các thủ tục được thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và quy định khác có liên quan. Phân cấp quản lý theo cấp công trình xây dựng, phù hợp với các quy định hiện hành.

d) Chương trình 4: Chinh trang hệ thống đường GTNT (gồm các công trình xây dựng mới và mở rộng nền đường, mở rộng mặt đường)

Giao UBND cấp huyện xây dựng cơ chế và tự tổ chức thực hiện.

Trên đây là báo cáo tóm tắt Đề án kiên cố hóa hệ thống ĐH và GTNT giai đoạn 2021-2025. Kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị thông qua để triển khai thực hiện.